Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 35, 36: ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Củng cố kiến thức vể các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức vế tiếng Việt đã học trong học kì I.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin, năng lực trình bày; năng lực phân tích, tổng hợp.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức tích cực đọc, học, làm bài tập; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học tập được giao một cách nghiêm túc.

- Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân tự thực hiện, không sao chép.

- Biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người, tình cảm gia đình, quê hương.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập tham khảo, tranh ảnh minh hoạ, sơ đồ, bảng biểu.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC ÔN TẬP**

Đỗ Thị Thu Phương trường THCS Đồng Tâm.SĐT 0365125238

**I. Ôn tập tri thức thể loại và văn bản Đọc**

**Bảng 1**

**(Thống kê theo mẫu các thể loại đã học)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| **1.** | **…** | **…** |
| **2.** | **…** | **…** |
| **3.** | **…** | **…** |
| **4.** | **…** | **…** |
| **5.** | **…** | **…** |
| **6.** | **…** | **…** |
| **7.** | **…** | **…** |

**Bảng 2**

**(Thống kê theo mẫu các văn bản đã học)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **1.** | … | … | … | … | … |
| **2.** | … | … | … | … | … |
| **3.** | … | … | … | … | … |
| **4.** | … | … | … | … | … |
| **5.** | … | … | … | … | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - GV kiểm tra phần giao nhiệm vụ của tiết trước: Hoàn thành:  *1) Bảng thống kê các thể loại đọc chính theo mẫu.*  *2) Bảng thống kê các văn bản đã học.*  - Hình thức thực hiện*:* GV phát phiếu học tập cho HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm ra giấy khổ A0.  - HS báo cáo kết quả của nhóm trên lớp.  + HS đại diện từng nhóm lên trình bày.  + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt KT và chiếu trên máy ND ôn tập để HS đối chiếu và hoàn thiện. | **1. Lập bảng thống kê theo mẫu về các thể loại chính đã học.**  *(Bảng thống kê kèm theo)*  **2. Lập bảng thống kê theo mẫu các văn bản đã học.**  *(Bảng thống kê kèm theo)* |

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bảng 1**

**Thống kê theo mẫu các thể loại đã học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| **1** | **Truyện ngắn** | - là tác phẩm văn xuôi cỡnhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng. |
| **2** | **Tiểu thuyết** | - là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. |
| **\*Đặc điểm chung:**  - Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.  - Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện) nhưng có tầm ảnh hưởng quan trọng đặc biệt đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm.  - Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ; qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.  **- Tính cách nhân vật:** Thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện và mối quan hệ với các nhân vật khác.  **- Bối cảnh :**  + Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử.  + Bối cảnh riêng:Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.  **- Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể:**  **- Ngôi kể:**  + Ngôi thứ nhất: Xưng tôi.  + Ngôi thứ ba: Người kể giấu mặt.  **- Thay đổi ngôi kể**: Để nội dung kể phong phú hơn, cách kể linh hoạt hơn. |
| **3** | **Thơ bốn chữ** | 1. Số chữ (tiếng): Mỗi dòng bốn chữ.  2. Cách gieo vần:  - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: Đặt cách quãng.  \*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..  3. Cách ngắt nhịp:  - 2/2 hoặc 3/1 (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).  4. Hình ảnh thơ:  - Dung dị, gần gũi (Gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện). |
| **4** | **Thơ năm chữ** | 1. Số chữ (tiếng): Mỗi dòng năm chữ.  2. Cách gieo vần:  - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: đặt cách quãng.  \*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..  3. Cách ngắt nhịp: - 2/3 hoặc 3/2. (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).  4. Hình ảnh thơ:  - Dung dị, gần gũi (gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện). |
| **5** | **Thơ trữ tình** | + **Tình cảm, cảm xúc** là yếu tố gốc rễ, là cội nguồn làm nên nội dung chính của thơ trữ tình. Chúng được bộc lộ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các hình ảnh, biểu tượng,...  + **Hình ảnh** là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình. Nó giúp nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc và thể hiện những tư tưởng, quan niệm về đời sống.  + **Nhịp thơ** là những chỗ ngắt, ngừng được phân bố trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ. Nó là phương tiện cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của thơ. |
| **6** | **Tuỳ bút** | - Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí.  **- Điểm tựa:**  + Là cái tôi của tác giả.  + Thông qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tinh cảm, suy nghĩ của mình.  + Tuỳ bút thiên về tính trữ tình; có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận.  **- Bố cục:** khá tự do trong cách biểu hiện, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định.  **- Ngôn từ:** giàu hình ảnh, giàu chất thơ. |
| **7** | **Tản văn** | - Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.  **- Điểm tựa:**  + Người viết thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình.  + Kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu...  **- Bố cục:** Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện.  **- Ngôn từ:** gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự. |

**Bảng 2**

**(Thống kê theo mẫu các văn bản đã học)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **1. Bầu trời tuổi thơ** | *Bầy chim chìa vôi* | Nguyễn Quang Thiều | Truyện ngắn | Thông qua cuộc trò chuyện, sự lo lắng giải cứu bầy chim chìa vôi của Mên và Mon, ta thấy được tuổi thơ và tình cảm yêu mến, lòng trắc ẩn mà hai anh em dành cho chim chìa vôi. | - Ngôn ngữ đối thoại sinh động;  - Miêu tả tâm lý tinh tế;  - Chi tiết, hình ảnh đẹp, gợi cảm. |
| *Đi lấy mật* | Đoàn Giỏi | Tiểu thuyết | Đoạn trích kể lại một lần An theo tía nuôi và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh với nhiều trải nghiệm mới lạ, độc đáo nơi núi rừng Nam Bộ. | - Lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình.  - Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương. |
| *Ngàn sao làm việc* | Võ Quảng | Thơ 5 chữ | ***Ngàn sao làm việc*** vẽ nên bầu trời đẹp lộng lẫy về đêm. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu; vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. | - Thơ 5 chữ.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ so sánh, liệt kê, nhân hóa,…  - Ngôn ngữ thơ gần gũi, sinh động. |
| **2. Khúc nhạc tâm hồn** | *Đồng dao mùa xuân* | Nguyễn Khoa Điềm | Thơ bốn chữ | Khắc họa vẻ đẹp của người lính và sự dũng cảm hi sinh vì Tổ quốc khi tuổi đời còn rất trẻ. Qua đó, thể hiện niềm tiếc thương, tự hào, cảm phục của tác giả về sự hi sinh của người lính. | - Thể thơ bốn chữ với cách gieo vần, ngắt nhịp hợp lí.  - Hình ảnh thơ sinh động, gợi cảm.  - Kết hợp miêu tả và biểu cảm, tự sự. |
| *Gặp lá cơm nếp* | Thanh Thảo | Thơ 5 chữ | Bài thơ là tình cảm nhớ thương của người con dành cho mẹ và đất nước. Đó cũng là tình cảm thiêng liêng của người con dành cho cội nguồn, cho dân tộc, cho người mẹ kính yêu. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả. | - Hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm.  - Cách gieo vần liền đặc sắc.  - Nhịp thơ 2/3, 1/4. 3/2 linh hoạt theo từng câu. |
| *Trở gió* | Nguyễn Ngọc Tư | Tạp văn | Đoạn trích gợi hình dung, tâm trạng, cảm xúcngóng chờ, vội vã, ngổn ngang của con người về những cơn gió chướng...gắn liền với nỗi nhớ và những kỉ niệm về gia đình và quê hương vô cùng đẹp đẽ, khó quên. | - Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm.  - Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa.  - Nhiều từ ngữ địa phương, mang đậm phong cách Nam Bộ. |
| **3. Cội nguồn yêu thương** | *Vừa nhắm mắt vừa mở của sổ.* | Nguyễn Ngọc Thuần | Truyện dài | Truyện kể về những trò chơi của người bố và đứa con. Qua đó, người cha đã dạy cho đứa con cách yêu thương, trân trọng thiên nhiên và nâng niu những món quà từ cuộc sống. | - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành.  - Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn. |
| *Người thầy đầu tiên* | Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp | Truyện vừa | Truyện ca ngợi người thầy Đuy-sen với những tâm huyết, sự tận tụy và tình cảm mà thầy dành cho học sinh của mình, đặc biệt là An-tư-nai. Người thầy Đuy-sen đã thay đổi cuộc đời của cô bé, người đã vun trồng ước mơ, hy vọng cho những học trò nhỏ. | - Ngòi bút đậm chất hội họa.  - Sự chuyển đổi nhân vật người kể chuyện linh hoạt, độc đáo.  - Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật gần gũi, khắc họa tính cách nhân vật. |
| *Quê hương* | Tế Hanh | Thơ 8 chữ | Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống lao động, sinh hoạt của một làng chài miền Trung đẹp đẽ, nên thơ, vừa chân thực, vừa lãng mạn. | - Hình ảnh thơ sáng tạo với những liên tưởng, so sánh độc đáo.  - Ngôn ngữ trong sáng, bay bổng, đầy cảm xúc.  - Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. |
| **4. Giai điệu đất nước** | *Mùa xuân nho nhỏ* | Thanh Hải | Thơ 5 chữ | Bài thơ thể hiện tiếng lòng yêu mến và gắn bó thiết tha với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành được cống hiến, được góp một “mùa xuân nho nhỏ” cho mùa xuân lớn của đất nước. | - Thể thơ năm chữ, gần làn điệu dân ca miền Trung.  - Giọng điệu nhẹ nhàng tha thiết, sâu lắng.  - Hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị, giàu ý nghĩa.  - Cấu tứ chặt chẽ.  - Sử dụng thành công các phép tu từ: ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,... |
| *Gò Me* | Hoàng Tố Nguyên | Thơ tự do | Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương gắn bó thiết tha với quê hương đất nước. Từ đó gợi nhắc mỗi người về tình yêu đất nước, biết trân quý những vẻ đẹp quê hương,… | - Sử dụng thể thơ tự do, phóng khoáng.  - Giọng điệu tâm tình, xúc động, tha thiết;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm.  - Nhiều phép so sánh, nhân hoá sinh động. |
| **5. Màu sắc trăm miền** | *Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt* | Vũ Bằng | Tuỳ bút | Vẻ đẹp riêng của cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân Hà Nội cùng tình cảm nồng nàn bền chặt của tác giả dành cho quê hương trong xa xôi cách trở. | - Lời văn giàu hình ảnh nhịp điệu;  - Cảm xúc mãnh liệt;  - Chi tiết tinh tế;  - Sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá… |
|  | *Chuyện cơm hến* | Hoàng Phủ Ngọc Tường | Tản văn | Nhà văn giới thiệu về món ăn đậm đà bản sắc xứ Huế - cơm hến, đồng thời thể hiện những suy nghĩ về việc giữ gìn truyền thống của món ăn dân tộc. | - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm màu sắc địa phương, gần với khẩu ngữ.  - Giọng điệu tự nhiên, hóm hỉnh kết hợp với chất trữ tình. |

**II. Ôn tập các kiến thức tiếng Việt**

**Bảng 3**

(Tóm tắt kiến thức tiếng Việt theo mẫu)

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt** |
| *1. Bầu trời tuổi thơ* | **…** |
| *2. Khúc nhạc tâm hồn* | **…** |
| *3. Cội nguồn yêu thương* | **…** |
| *4. Giai điệu đất nước* | **…** |
| *5. Màu sắc trăm miền* | **…** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV tổ chức cho HS tóm tắt các kiến thức tiếng Việt học kì 1 theo mẫu SGK tr.130.  - Hình thức thực hiện*:* GV phát phiếu học tập Bảng 3 cho HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm ra giấy khổ A0.  - HS báo cáo kết quả của nhóm trên lớp.  + HS đại diện từng nhóm lên trình bày.  + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt KT và chiếu trên máy ND ôn tập để HS đối chiếu và hoàn thiện. | **Bảng 3**  (Tóm tắt kiến thức tiếng Việt theo mẫu) |

**Bảng 3**

(Tóm tắt kiến thức tiếng Việt theo mẫu)

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt** |
| **1. Bầu trời tuổi thơ** | **- Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:** Trạng ngữ trong câu có thể là từ hoặc cụm từ, nhờ mở rộng bằng cụm từ, trạng ngữ cung cấp thông tin cụ thể hơn về không gian, thời gian,... diễn ra sự việc trong câu.  + Ví dụ: *Buổi sáng mùa xuân,* cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.  - **Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:** Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng các cụm từ. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cho nghĩa của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.  + Ví dụ: Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta // *tinh thần / rất hăng hái.*  **- Từ láy** là cấu tạo đặc biệt của từ phức, được tạo thành bởi hai tiếng trở lên, trong đó phối hợp những tiếng có âm đầu hoặc vần hoặc cả âm đầu và vần. Từ láy có thể chỉ có một tiếng có nghĩa hoặc không tiếng nào có nghĩa khi đứng một mình.  + Ví dụ: “Chú bé *loắt choắt*/ Cái xắc *xinh xinh*/ cái chân *thoăn thoắt*/ Cái đầu *nghênh nghênh*” (Tố Hữu) |
| **2. Khúc nhạc tâm hồn** | - **Nói giảm nói tránh:** Là biện pháp tu từ dùng cách nói uyển chuyển, tế nhị, lịch sự nhằm tránh gây cảm giác đau buồn hay thô tục,…Các cách nói giảm, nói tránh: Dùng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa; Dùng cách nói phủ định tương đương về nghĩa kết hợp với từ trái nghĩa; Cách nói vòng, cách nói bóng gió.  + Ví dụ: Áo bào thay chiếu anh *về đất*.  - **Nghĩa của từ:** là nội dung (sự việc, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị. Ví dụ: *Cây*  + Hình thức: là từ đơn, chỉ có một tiếng.  + Nội dung: Chỉ một loài thực vật. |
| **3. Cội nguồn yêu thương** | - **Số từ:** là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật trong hiện thực khách quan. Ví dụ:  *Một* canh, *hai* canh, lại *ba* canh  Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành  Canh *bốn* canh *năm* vừa chợp mắt  Sao vàng *năm* cánh mộng hồn quanh.  - **Phó từ:** là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ. ***Phân loại:*** 2 nhóm cơ bản:  \***Phó từ đi kèm danh từ**:  - Ý nghĩa: làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật.  - Vị trí: đứng trước danh từ.  - Ví dụ các phó từ đi kèm danh từ: *những, các, mọi, mỗi, từng,..*  **\*Phó từ đi kèm động từ, tính từ:**  **-** Ý nghĩa: Làm thành tố phụ trước hoặc phụ sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiên, mức độ,...).  - Vị trí: đứng trước hoặc đứng sau động từ, tính từ.  - Ví dụ về các phó từ đi kèm động từ, tính từ:  + Phó từ **đứng trước** động từ, tính từ:  Phó từ quan hệ thời gian: *đã, sắp, từng*…  Phó từ  chỉ mức độ:  *rất, khá…*  Phó từ  chỉ sự tiếp diễn: *vẫn, cũng…*  Phó từ  chỉ sự phủ định: *không, chẳng, chưa..*  Phó từ cầu khiến: *hãy, thôi, đừng, chớ*…  + Phó từ **đứng sau** động từ, tính từ:  Phó từ chỉ mức độ: *lắm, quá, cực kì,..*  Phó từ chỉ khả năng: *được,…*  Phó từ chỉ kết quả và hướng: *mất, ra, đi* |
| **4. Giai điệu đất nước** | - **Nghĩa của từ trong ngữ cảnh:** Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau.  + Ví dụ:  a. *Ngày ngày* ***mặt trời*** *đi qua trên lăng*  *Thấy một* ***mặt trời*** *trong lăng rất đỏ.* **(chỉ Bác Hồ)**  (Viễn Phương)  b. *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*  ***Mặt trời*** *chân lí chói qua tim.* **(chỉ lí tưởng cách mạng)**  (Tố Hữu)  c. ***Mặt trời*** *của bắp thì nằm trên đồi*  ***Mặt trời*** *của mẹ em nằm trên lưng.* **(chỉ em bé)**  (Nguyễn Khoa Điềm)  **- Dấu ngoặc đơn:** Dùng để đánh dấu phần bổ sung.  VD: *Nguyễn Dữ có "****Truyền kì mạn lục"****(Ghi lại một cách tản mạn các truyện lạ được truyền) được đánh giá là****thiên cổ kì bút****(bút lạ của muôn đời), là một mốc quan trọng của thể loại văn xuôi bằng chữ Hán của văn học Việt Nam.*  **- Dấu ngoặc kép:**  + Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp hoặc lời nhân vật.  + Đánh dấu từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt.  *VD: Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hóa" của thực dân cũng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người.* |
| **5. Màu sắc trăm miền** | **- Dấu gạch ngang:**  - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê;  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu;  - Dùng để nối các từ trong một liên danh.  **- Từ ngữ địa phương:** Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được sử dụng ở một vùng, miền nhất định.  + VD: *duống*: đưa xuống; *trụng:* nhúng,..  **+** Tác dụng:Tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật,... trong tác phẩm văn học.  **- Một số biện pháp tu từ:**  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Nhân hoá là gán cho đồ vật, cây cối, con vật,... những đặc điểm, những thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả trở nên gần gũi, sinh động.  + Điệp ngữ là lặp lại một từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, tạo liên kết, tạo giọng điệu cho câu văn. |

**III. Ôn tập kiến thức các kiểu bài Viết**

**Bảng 4**

(Tóm tắt các kiểu bài Viết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Kiểu bài Viết** | **Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài** |
| *1. Bầu trời tuổi thơ* | … | … |
| *2. Khúc nhạc tâm hồn* | … | … |
| *3. Cội nguồn yêu thương* | … | … |
| *4. Giai điệu đất nước* | … | … |
| *5. Màu sắc trăm miền* | … | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV tổ chức cho HS tóm tắt các kiến thức viết các kiểu bài học kì 1 theo mẫu Bảng 4.  - Hình thức thực hiện*:* GV phát phiếu học tập Bảng 4 cho HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm ra giấy khổ A0.  - HS báo cáo kết quả của nhóm trên lớp.  + HS đại diện từng nhóm lên trình bày.  + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt KT và chiếu trên máy ND ôn tập để HS đối chiếu và hoàn thiện. | **Bảng 4**  (Tóm tắt các kiểu bài Viết) |

**Bảng 4**

(Tóm tắt các kiểu bài Viết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Kiểu bài Viết** | **Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài** |
| **1. Bầu trời tuổi thơ** | Tóm tắt theo yêu cầu khác nhau về độ dài. | - Phản ánh đúng nội dung của VB gốc: tránh đưa nhận xét chủ quan hoặc những thông tin không có trong VB gốc;  - Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc: cần thâu tóm được nội dung không thể lược bỏ của VB gốc;  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của VB gốc: đó là các “từ khoá”, từ then chốt, xuất hiện nhiều, chứa đựng nhiều tông tin;  - Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của VB tóm tắt: VB tóm tắt phải luôn ngắn hơn VB gốc. Tuỳ mục đích, cách thức, hoàn cảnh tóm tắt,…để điều chỉnh dung lượng. |
| **2. Khúc nhạc tâm hồn** | Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ | - Hình thức nghệ thuật:  + Số tiếng trong mỗi dòng thơ: bốn tiếng hoặc năm tiếng.  + Các dòng thơ bắt vần với nhau (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp).  + Nhịp thơ phù hợp với tinh thần cảm xúc.  + Ngôn ngữ, hình ảnh dung dị, giàu cảm xúc.  + Sử dụng biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm.  - Nội dung:  + Tình cảm, cảm xúc chân thành, hồn nhiên, phù hợp lứa tuổi.  + Thông điệp sâu sắc. |
| Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | - Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  - Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.  - Khái quát được cảm xúc về bài thơ. |
| **3. Cội nguồn yêu thương** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |
| **4. Giai điệu đất nước** | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người, sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến con người hoặc sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với con người hoặc sự việc được nói đến.  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. |
| **5. Màu sắc trăm miền** | Viết văn bản tường trình | - Phía trên cùng: ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giũa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *về việc…*  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi.*  - Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên: chức danh: chức vụ: đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là…,* hoặc *Tôi là…*  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.  - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên. |

**IV. Ôn tập kiến thức Nói và Nghe**

**Bảng 5**

(Tóm tắt các kiểu bài Nói và nghe)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | Nói và nghe | Viết | Đọc |
| *1. Bầu trời tuổi thơ* | … | … | … |
| *2. Khúc nhạc tâm hồn* | … | … | … |
| *3. Cội nguồn yêu thương* | … | … | … |
| *4. Giai điệu đất nước* | … | … | … |
| *5. Màu sắc trăm miền* | … | … | … |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV tổ chức cho HS:  *1) Tóm tắt các kiến thức các kiểu Nói và nghe học kì 1 theo mẫu Bảng 5.*  *2) Chỉ ra mối liên hệ giữa kĩ năng nói và nghe với kĩ năng đọc và viết.*  - Hình thức thực hiện*:* GV phát phiếu học tập cho HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm ra giấy khổ A0.  - HS báo cáo kết quả của nhóm trên lớp.  + HS đại diện từng nhóm lên trình bày.  + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt KT và chiếu trên máy ND ôn tập để HS đối chiếu và hoàn thiện. | **Bảng 5**  (Tóm tắt các kiểu bài Nói và nghe) |

**Bảng 5**

(Tóm tắt các kiểu bài Nói và nghe)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | Nói và nghe | Viết | Đọc |
| *1. Bầu trời tuổi thơ* | Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm. | Tóm tắt VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài, đảm bảo nội dung chính của VB. | Các VB truyện về tuổi thơ: *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều), *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam,* Đoàn Giỏi), *Ngôi nhà trên cây* (trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ,* Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô). |
| *2. Khúc nhạc tâm hồn* | - Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc). | - Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ.  - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. | Các VB thơ: *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm)*;Gặp lá cơm nếp* (Thanh Thảo); *Chiều sông Thương* (Hữu Thỉnh). |
| *3. Cội nguồn yêu thương* | - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học) | - Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | *-* Các VB truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (*Nguyễn Ngọc Thuần); *Người thầy đầu tiên* (Ai-tơ-ma-tốp)*; Trong lòng mẹ* (Nguyên Hồng)*.* |
| *4. Giai điệu đất nước* | - Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. | - Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | - Các VB thơ trữ tình: *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải); *Gò Me* (Hoàng Tố Nguyên); *Chiều biên giới* (Lò Ngân Sủn) |
| *5. Màu sắc trăm miền* | - Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại. | - Viết VB tường trình. | - Các văn bản tuỳ bút, tản văn: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (Vũ Bằng); *Chuyện cơm hến* (Hoàng Phủ Ngọc Tường); *Những khuôn cửa dấu yêu* (Trương Anh Ngọc) |

**B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

**I. Luyện tập theo Phiếu học tập (SGK tr.131-134)**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| ***\*Chọn phương án đúng:***  Câu 1. | Dàn ý:  … | Dàn ý:  … |
| Câu 2. |
| ***\*Trả lời câu hỏi:***  Câu 1. |
| Câu 2. |
| Câu 3. |
| Câu 4. |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| ***\*Chọn phương án đúng:***  Câu 1. | Dàn ý:  … | Dàn ý:  … |
| Câu 2. |
| ***\*Trả lời câu hỏi:***  Câu 1. |
| Câu 2. |
| Câu 3. |
| Câu 4. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Phiếu HT số 1**  **\* Đọc:** GV yêu cầu HS chủ động vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết đề tài, người kể chuyện, chi tiết tiêu biểu; nắm được cốt truyện; hiểu đặc điểm tính cách nhân vật khi thực hành đọc VB *Rừng cháy* (trích *Đất rừng phương Nam,* Đoàn Giỏi).  **\* Viết:** HS thực hành viết đoạn văn phân tích đặc điểm nhân vật theo nhiệm vụ đã giao (ở nhà). Trên lớp, GV có thể tổ chức chữa bài theo các quy trình tương tự bài 1 và bài 3.  **\* Nói và nghe:** HS thực hành nói và nghe để củng cố kĩ năng tóm tắt VB truyện trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị. HS chỉ cần làm dàn ý.  **Phiếu HT số 2**  **\*Đọc:** GV yêu cầu HS chủ động vận dụng các kĩ năng đọc thể loại thơ để nhận diện đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của VB thơ: cách trình bày dòng thơ, vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ ngữ, hình ảnh; đặc điểm nội dung: tình cảm của nhà thơ, ý nghĩa của hình ảnh thơ qua cảm nhận, liên tưởng của nhà thơ và người đọc.  **\*Viết:** GV hướng dẫn để HS thực hành viết đoạn văn nêu cảm nhận về tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người được bộc lộ trong đoạn trích (làm ở nhà). Dựa vào kết quả hoạt động đọc, GV hướng dẫn HS cảm nhận và hiểu được tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người để vận dụng vào bài viết.  **\*Nói và nghe:** GV hướng dẫn HS trình bày cảm xúc về bai thơ hoặc đoạn thơ yêu thích.  - Hình thức thực hiện*:* GV trình bày phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà theo nhóm ra giấy khổ A0.  - HS báo cáo kết quả của nhóm trên lớp.  + HS đại diện từng nhóm lên trình bày.  + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt KT và chiếu trên máy ND ôn tập để HS đối chiếu và hoàn thiện. | **Phiếu HT số 1,2** |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| ***\*Chọn phương án đúng:***  **Câu 1.** D. Cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. | **Gợi ý:** Tìm dẫn chứng trong kết quả đọc để rút ra nhận xét về tính cách nổi bật của nhân vật tía nuôi An:  - *Luôn hết lòng yêu thương, che chở cho con trong những tình huống nguy nan nhất.*  *- Yêu rừng, gắn bó và am hiểu sâu sắc đời sống của rừng.*  *- Quả cảm, quyết đoán và mạnh mẽ trong mọi tình huống hiểm nguy.* | **Gợi ý:**  Tự tóm tắt các sự việc chính và nhân vật tiêu biểu trong một VB theo yêu cầu của kiểu bài và trình bày. |
| **Câu 2. C.** Người kể chuyện vừa chứng kiến vừa trực tiếp tham gia vào sự việc. |
| ***\*Trả lời câu hỏi:***  **Câu 1.** nhận biết và chỉ ra được các chi tiết nói về thời gian và không gian của sự việc được kể: *quanh co trong rừng, chẳng biết đâu là đâu, thế mà chỉ chừng một giờ sau; tôi đã ngủ một giấc dài; rừng đã xế chiều; những thân cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời;...*  - Từ đó tóm tắt được thời gian, không gian: Chuyện xảy vào một buổi xế chiều trong rừng tràm Nam Bộ. (Chú ý từ “tía” (bố) là phương ngữ miền Tây Nam Bộ). |
| **Câu 2.** HS nêu được sự việc chính, không gian, thời gian của sự việc, các nhân vật tham gia vào diễn biến sự việc. HS cần xác định được sự việc chính: *An và tía nuôi đi lấy mật, ngủ trưa trong khu rừng, giặc bỏ bom vào rừng tràm, hai cha con tìm cách thoát khỏi ngọn lửa khi rừng cháy.* |
| **Câu 3.** Lưu ý những từ ngữ cụ thể giúp xác định trình tự thời gian của sự việc:  - Phần đầu đoạn trích miêu tả khung cảnh buổi trưa, khi An và tía nuôi lấy mật xong: *Mùi hương ngòn ngọt nhức đầu của những loại hoa rừng không tên tuổi đầm vào ánh nắng ban trưa, khiến con người dễ sinh buồn ngủ.*  - Phần tiếp theo kể lại sự việc An ngủ trưa và giấc ngủ kéo dài cho đến trước khi máy bay của giặc Pháp đến và tiếng nổ vang lên trong rừng: *Tôi đã ngủ một giấc dài như vậy, sau khi tía con chúng tôi đã lấy mật đẩy vào hai thùng sắt tây.*  ->Trình tự thời gian từ trưa đến chiều. |
| **Câu 4.** Các chi tiết tiêu biểu thể hiện đặc điểm tính cách của nhân vật tía nuôi như:  - Khi phát hiện ra bom được thả xuống, người cha rất lo lắng cho con: *An ơi! Nằm xuống mau... Tía nuôi tôi chưa nói dứt câu, vội đẩy tôi nằm gí xuống cỏ; Chắc là bom lép, đừng ngóc đầu dậy nghe con!*  - Khi phát hiện ra rừng cháy, cách thoát khỏi ngọn lửa của người cha rất khác thường: *Tía nuôi tôi vất cái nón đang đội trên đầu xuống tay chỉ cầm chiếc nỏ lôi tôi chạy ngược hướng gió, nơi ngọn lửa bắt đấu tràn đến chúng tôi.*  - Khi *nghe có nhiều tiếng chân chạy dồn dập trên đất, như tiếng giày khua,* An tưởng có Tây (giặc Pháp) đuổi phía sau, nhưng tía khẳng định: *Tây đâu mà Tây. Cứ chạy đi!* |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| ***\*Chọn phương án đúng:***  **Câu 1.** C. Không viết hoa tiếng mở đấu, không sử dụng dấu câu | **Gợi ý:**  Cảm nhận tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người:  *- Tình yêu thương sâu sắc, bền chật với đất nước nghèo khổ, gian khó.*  *- Sự thấu hiểu, nâng niu và trân trọng vẻ đẹp bình dị, thân thương của sự sống, con người trên quê hương, đất nước.* | **Gợi ý:**  Chia sẻ cảm xúc một cách tự nhiên, hứng thú, phần trình bày cảm xúc về bài thơ, đoạn thơ (có thể kết hợp với đọc thơ, ngâm thơ,... ) Sau khi đọc thơ, ngâm thơ, có thể trình bày ngắn gọn cảm xúc về bài thơ, đoạn thơ mà mình chọn. (Chú ý làm rõ đặc sắc nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ). |
| **Câu 2.** B. Hoán dụ |
| ***\*Trả lời câu hỏi:***  **Câu 1.** Tình cảm của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật của VB thơ. HS cần nhận diện được:  - Từ ngữ được lặp lại nhiều nhất: *tôi yêu đất nưốc này, như yêu, yêu:* bộc lộ trực tiếp tình cảm của nhà thơ.  - Hình ảnh thơ, dòng thơ thể hiện trực tiếp tình cảm của nhà thơ với đất nước:  *+ tôi yêu đất nước này áo rách/ căn nhà dột phên không ngăn nổi gió*  *+ như yêu cây cỏ ở trong vườn/ như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương*  *+ yêu một giọng hát hay/ có bài mái đẩy thơm hoa đại.* |
| **Câu 2.** Những hình ảnh thơ cho thấy rõ cảm nhận của nhà thơ về đất nước:  - Hình ảnh đất nước nghèo khổ, lam lũ: *đất nước này áo rách/ căn nhà dột phên không ngăn nổi gió.*  - Hình ảnh đất nước chan chứa tình cảm yêu thương, hi vọng: *vẫn yêu nhau trong từng hơi thở/ lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài/ thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai...* |
| **Câu 3.** Biện pháp tu từ ẩn dụ thể hiện trong cụm từ “thương cây nhớ cội”. Hình ảnh “cây” và “cội” (gốc cây) gợi liên tưởng tới những gì gắn bó, bẽn chặt: “như cây với cội”, tương tự như tình cảm sâu sắc không dễ gì lay chuyển của con người. Đây là cách liên tưởng tương đồng dựa vào đặc điểm, phẩm chất của hai sự vật: sự vật cụ thể được nêu ở đây là “cây”, “cội” (gốc cây) và thế giới của những gì tương tự với “cây” và “cội” - những giá trị bền vững, gắn bó của đất nước, quê hương, con người (giống như cái cây và gốc cây không dễ rời xa mảnh đất quen thuộc của nó). |
| **Câu 4.** Cảm nhận được ý nghĩa của hình ảnh thơ này: Đất nước hiện lên nghèo khổ, lầm than *(căn nhà dột phên không ngăn nổi gió,* nhưng trong thế giới đó, con người *vẫn yêu nhau trong từng hơi thở -* tình yêu thương sưởi ấm cuộc sống, tình người là sức mạnh để vượt qua gian khó). |

**II. Luyện tập đề tổng hợp ngoài SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU** (6.0 điểm)

**Đọc văn bản sau:**

**Ngụ ngôn của mỗi ngày**

Ngồi cùng trang giấy nhỏ.

Tôi đi học mỗi ngày.

Tôi học cây xương rồng.

Trời xanh cùng nắng, bão.

Tôi học trong nụ hồng.

Màu hoa chừng rỏ máu.

Tôi học lời ngọn gió.

Chẳng bao giờ vu vơ.

Tôi học lời của biển.

Đừng hạn hẹp bến bờ.

Tôi học lời con trẻ.

Về thế giới sạch trong

Tôi học lời già cả.

Về cuộc sống vô cùng.

Tôi học lời chim chóc.

Đang nói về bình minh.

Và trong bia mộ đá

Lời răn dạy đời mình.

(Đỗ Trung Quân)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát. C. Thơ tự do.

B. Thơ năm chữ. D. Thơ lục bát biến thể.

**Câu 2**: Nhân vật tôi trong bài thơ học được những điều quý giá từ những đối tượng:

1. cây xương rồng, nụ hồng, ngọn gió, biển, con trẻ, già cả, chim chóc, bia mộ.
2. cây xương rồng, nụ hồng, ngọn gió, biển, con trẻ, chim chóc, bia mộ, rừng núi.
3. cây xương rồng, nụ hồng, ngọn gió, biển, con trẻ, già cả, chim chóc, cánh đồng.
4. cây xương rồng, nụ hồng, ngọn gió, biển, con trẻ, già cả, chim chóc, dòng sông.

**Câu 3:** Hình ảnh nào **không** được nhắc đến trong bài thơ?

1. Trang giấy nhỏ và cây xương rồng. C. Chim chóc và biển.
2. Ngọn gió và con trẻ. D. Dòng sông và cánh đồng.

**Câu 4**: Biện pháp tu từ điệp cấu trúc câu được sử dụng trong văn bản có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh khẳng định giá trị của việc học. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa câu thơ trong bài thơ.

B. Nhấn mạnh khẳng định giá trị của việc học. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các hình ảnh trong bài thơ.

C. Nhấn mạnh khẳng định giá trị của việc học. gần gũi, biểu hiện được những suy nghĩ của con người.

D. Nhấn mạnh khẳng định giá trị của việc học, giúp ta hiểu những thông điệp được gửi gắm trong văn bản.

**Câu 5**: Nghĩa của từ “hạn hẹp” trong câu: “Đừng hạn hẹp bến bờ..” được hiểu là:

A. phạm vi, mức độ bị hạn chế một phần, không đủ để đáp ứng yêu cầu.

B. phạm vi, mức độ bị hạn chế, không đủ để đáp ứng yêu cầu.

C. phạm vi, mức độ bị hạn chế nhưng vẫn đủ để đáp ứng yêu cầu.

D. phạm vi, mức độ bị khống chế, không đủ để đáp ứng yêu cầu.

**Câu 6**: Hình ảnh “biển” trong câu “Tôi học lời của biển” có ý nghĩa:

A. gợi ra không gian mênh mông, rộng lớn, không hạn hẹp.

B. gợi ra không gian thoáng đãng, bình yên.

C. gợi ra không gian bát ngát, trù phú.

D. gợi ra không gian choáng ngợp, không hạn hẹp.

**Câu 7**: Nhan đề: “Ngụ ngôn mỗi ngày” được hiểu:

A. Những bài học mỗi ngày ta cần trân trọng và giữ lấy.

B. Mỗi ngày cuộc sống cho ta bài học quý như những câu chuyện ngụ ngôn.

C. Bài học từ câu chuyện ngụ ngôn khiến ta nhớ mãi.

D. Thông điệp, ý nghĩa từ câu chuyện ngụ ngôn luôn đem đến niềm vui.

**Câu 8:** Theo em nhân vật tôi trong văn bản đã học được điều gì từ nụ hồng, ngọn gió?

A. luôn mạnh mẽ, bảo thủ khi đối mặt với khó khăn thử thách.

B. luôn mạnh mẽ, có ý chí đối mặt với khó khăn thử thách.

C. luôn mạnh mẽ nhưng chùn bước khi đối mặt với khó khăn thử thách.

D. luôn biết nghĩ cho bản thân không nên đối mặt với khó khăn.

**Câu 9**: Nêu thông điệp ý nghĩa nhất mà em rút ra qua khổ thơ sau:

**“**Tôi học cây xương rồng.

Trời xanh cùng nắng, bão.

Tôi học trong nụ hồng.

Màu hoa chừng rỏ máu.”

**Câu 10**: Em có nhận xét gì về quan niệm học của tác giả thể hiện trong bài thơ?

**II. Viết (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ của em về cánh đồng mùa lúa chín.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **TN** | 1B, 2D; 3A; 4C; 5B; 6A; 7D; 8B  (Mỗi câu đúng cho 0,5đ) | 4,0 |
| **TL** | **Câu 9.** HS chỉ cần nêu ra 01 trong các thông điệp sau:  - Khuyên chúng ta luôn mạnh mẽ, có ý chí để đối đầu với những khó khăn, gian lao trong cuộc sống và kết quả mà ta cố gắng sẽ luôn tương xứng với những gì ta bỏ ra. | 1,0 |
| **Câu 10.** Nhận xét quan niệm học của tác giả thể hiện trong bài thơ.  - Học không chỉ ở trường lớp mà học còn là một cuộc hành trình tìm kiếm – khám phá – lĩnh hội những điều bình dị trong cuộc sống.  - Cuộc sống chính là môi trường học rộng lớn giúp ta trải nghiệm mỗi ngày để thêm yêu đời và sống tốt đẹp hơn. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Cảm nghĩ về cánh đồng mùa lúa chín. | 0,25 |
|  | *c. Nội dung biểu cảm về sự việc:*  \*HS biểu cảm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  *- Giới thiệu về khái quát về cánh đồng lúa chín; bày tỏ tình cảm, ấn tượng cá nhân.*  *- Vẻ đẹp của cánh đồng lúa chín trong những thời điểm khác nhau: màu sắc, hương thơm, không gian…*  *- Vẻ đẹp của những bông lúa, hạt lúa.*  *- Vẻ đẹp của con người lao động trên cánh đồng.*  *- Cảm xúc hạnh phúc, biết ơn thiên nhiên, người lao động đã ban tặng những mùa vàng bội thu, những khoảnh khắc tuổi thơ.*  *- Cảm nghĩ về kỉ niệm sâu sắc nhất gắn với cánh đồng.* | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 2**

**I. ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

**Tiếng vọng rừng sâu**

*Có một cậu bé ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu thét lớn: “Tôi ghét người!”. Từ khu rừng liền có tiếng vọng lại: "Tôi ghét người!”. Cậu hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét cậu.*

*Người mẹ nắm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Bây giờ thì con hãy hét thật to: “Tôi yêu người!”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người!”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.*

(Theo *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ, 2002)

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Nghị luận B. Miêu tả C. Tự sự D. Biểu cảm

**Câu 2**: Cậu bé trong văn bản là người như thế nào?

A. Hay sà vào lòng mẹ để khóc.

B. Hay bỏ vào khu rừng rậm chơi.

C. Thích thét lớn mỗi khi giận dữ.

D. Ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách.

**Câu 3**: Câu văn “*Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm” có mấy số từ?*

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu** 4. Người mẹ trong văn bản trên có hành động gì?

A. Nắm tay con, đưa con trở lại khu rừng.

B. Ôm con vào lòng và an ủi.

C. Trách mắng vì con giận mẹ mà bỏ vào rừng.

D. Tìm con khi con bị lạc trong rừng.

**Câu 5**: Trạng ngữ “*Lấy hết sức mình*” trong câu: *“Lấy hết sức mình, cậu thét lớn: “Tôi ghét người!”.”*biểu thị điều gì*?*

A. Cách thức diễn ra hành động của nhân vật.

B. Mục đích của hành động nhân vật.

C. Nơi chốn diễn ra hành động của nhân vật.

D. Nguyên nhân diễn ra hành động của nhân vật.

**Câu 6**: Vì sao cậu bé lại hoảng hốt quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở?

A. Vì cậu bé bị lạc trong rừng và mãi mới tìm được đường về nhà.

B. Vì cậu không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét mình.

C. Vì cậu gặp một con thú dữ trong rừng đuổi theo mình.

D. Vì cậu thấy có lỗi với mẹ và chạy về xin lỗi mẹ.

**Câu 7**: Phép tu từ điệp ngữ *“Tôi yêu người!”* trong đoạn: “*Bà nói: “Bây giờ thì con hãy hét thật to: “Tôi yêu người!”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người!”” có tác dụng gì?*

A. Nhấn mạnh hành động của người con.

B. Người mẹ muốn con nghe lời dạy của mình.

**C.** Khuyên mọi người biết nói lời tốt đẹp, yêu thương nhau.

D. Thể hiện tình cảm của cậu bé đối với mọi người.

**Câu 8**: Người mẹ trong văn bản trên dạy con điều gì?

A. Con hãy hét thật to điều con muốn nói.

B. Không được bỏ chạy vào rừng khi bị mẹ khiển trách.

C. Không được sà vào lòng mẹ khóc khi có điều sợ hãi.

D. Cần có tình yêu thương trong cuộc sống.

**Câu 9**:Em có đồng tình với ý kiến*“Ai gieo gió thì gặt bão*” không? Vì sao?

**Câu 10**: Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ câu chuyện trên?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

`Em hãy phân tích đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | TN | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| 1C; 2D; 3C; 4A; 5A; 6B; 7C; 8D  (Mỗi câu đúng cho 0,5đ) | 4,0 |
| TL | **Câu 9.** HS trả lời ngắn gọn: nêu rõ quan điểm *đồng ý* hoặc *không đồng ý* vàlí giải hợp lý, thuyết phục. | 1,0 |
| **Câu 10.** HS có thể rút ra nhiều bài học khác nhau, sau đây là gợi ý:  - Sống phải luôn biết yêu thương, quan tâm lẫn nhau.  - Trong cuộc sống, hãy cho đi thật nhiều điều tốt đẹp để nhận lại nhiều giá trị tốt đẹp và ngược lại.  - Hãy luôn nói với nhau những điều tốt đẹp để cuộc sống thêm thi vị. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân về đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Giới thiệu nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc.  - Phân tích đặc điểm của nhân vật văn học (ngoại hình, tính cách, hành động, ngôn ngữ, nội tâm,…).  - Đưa ra lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ đặc điểm của nhân vật.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo*: có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,75 |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các bài tập;

- Ôn tập chuẩn bị cho giờ kiểm tra hết học kì I;

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**